

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH LỚP 3 TRONG MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

THẠCH THỊ SÔ PHI
HVCH Đại học Trà Vinh
VÕ THỊ NGỌC KIỀU
Đại học Trà Vinh

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 05/10/2026. Duyệt đăng 19/10/2026.

Abstract

This study employs document analysis and synthesis to develop a framework for the problem-solving and creative competence of Grade 3 students in the Nature and Society subject. Drawing on Vietnam's 2018 General Education Curriculum and research on creative thinking, the study proposes five components: identifying and clarifying problems; collecting and processing information; generating ideas and solutions; selecting and implementing solutions; and evaluating, refining, and applying solutions. Each component is described through observable behavioral indicators and a three-level rubric designed to support teachers' classroom assessment. The study also proposes topic-based learning tasks and an instructional process appropriate for Grade 3 students. As the proposed competence framework and assessment tools are theoretical, they require expert appraisal and classroom validation before being used to evaluate students' competence.

Keywords: Competence assessment, competence indicators, Grade 3 students, Nature and Society, problem-solving and creative competence.

1. Đặt vấn đề

Một tình huống đơn giản như cây ở góc lớp bị héo có thể đặt học sinh (HS) trước nhiều câu hỏi: cây thiếu nước, vị trí đặt chưa phù hợp hay cách chăm sóc có vấn đề? Để trả lời, các em phải sử dụng điều đã học và tìm thêm dữ kiện từ quan sát. Đây là cơ hội đưa mục tiêu phát triển năng lực vào một hoạt động cụ thể của môn Tự nhiên và Xã hội. Định hướng giáo dục mà UNESCO (2021) đề cập cũng chú trọng hợp tác, sáng tạo và phán đoán. Ở tiểu học, việc thực hiện định hướng ấy cần bắt đầu từ những vấn đề trẻ hiểu được và có khả năng tham gia giải quyết.

Giải quyết vấn đề và sáng tạo được xác định là một trong ba năng lực chung của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Khi đưa mục tiêu này vào bài dạy, giáo viên (GV) thường phải trả lời một câu hỏi thực tế: hành động nào của HS cho thấy năng lực đang hình thành? Trẻ nêu được cách xử lý chưa có nghĩa là đã biết lựa chọn; làm xong sản phẩm cũng chưa cho biết các em có hiểu cách làm hay không. Việc mô tả biểu hiện theo môn học và lứa tuổi vì thế là căn cứ cần thiết cho cả thiết kế hoạt động lẫn đánh giá.

Các nhiệm vụ dành cho lớp 3 cần tính đến sự khác nhau về khả năng đọc, diễn đạt và tự quản lý công việc. Một em có thể giải thích khá rõ bằng lời nhưng khó ghi lại thành đoạn văn; em khác thao tác tốt mà chưa biết sắp xếp kế hoạch. Có thể bắt đầu bằng yêu cầu ngắn, vật thật, tranh hoặc phiếu gợi ý, sau đó giảm hỗ trợ khi HS đã quen. Khi ghi nhận kết quả, GV cần cho biết trẻ làm được phần việc nào và đã nhận loại hỗ trợ nào.

Các chủ đề gia đình, trường học, cộng đồng, thực vật, động vật, con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b) cung cấp bối cảnh để thiết kế những nhiệm vụ như vậy. Bài viết tập trung xác định nội hàm, cấu trúc và biểu hiện của

Email: ttsphi@tvu.edu.vn

năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở HS lớp 3; từ đó đề xuất cách tổ chức và đánh giá hoạt động học. Phạm vi nghiên cứu là xây dựng khung lý luận, chưa khảo sát mức độ năng lực hoặc kiểm chứng hiệu quả của một biện pháp dạy học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên các tài liệu được liệt kê ở phần tham khảo, gồm chương trình giáo dục, quy định đánh giá tiểu học và các công trình về sáng tạo, học tập, dạy học khoa học. Việc đọc và đối chiếu tài liệu tập trung vào ba nội dung: yêu cầu năng lực, hoạt động tư duy và hành vi có thể quan sát trong nhiệm vụ học tập. Từ đó, bài viết tổng hợp thành năm thành tố, xây dựng chỉ báo và gợi ý quy trình tổ chức. Chưa có dữ liệu khảo sát để xác nhận độ tin cậy hoặc giá trị đo lường của bảng tiêu chí; công cụ ở đây được trình bày như một đề xuất cần tiếp tục thẩm định.

2.2. Khái niệm năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

2.2.1. Năng lực và quan điểm tiếp cận năng lực

Chương trình giáo dục phổ thông tiếp cận năng lực qua khả năng huy động kiến thức, kĩ năng và những thuộc tính cá nhân để thực hiện hoạt động (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Với môn Tự nhiên và Xã hội, có thể nhận biết điều đó khi HS sử dụng hiểu biết để đưa ra một quyết định. Chẳng hạn, trong nhiệm vụ chọn cách giữ vệ sinh lớp, các em cần xác định nơi thường có rác và cân nhắc cách xử lí phù hợp. Câu trả lời đúng về khái niệm là một căn cứ; cách vận dụng vào nhiệm vụ cung cấp thêm căn cứ về năng lực.

Ý tưởng cần có cơ sở từ kiến thức môn học. Khi đề xuất làm một mô hình, HS phải cân nhắc mô hình sẽ thể hiện điều gì và chi tiết nào giúp người xem hiểu. OECD (2019) gợi ý kết hợp sáng tạo với tư duy phản biện trong hoạt động dạy học. Theo hướng này, GV có thể mở quyền lựa chọn vật liệu hoặc hình thức trình bày, rồi yêu cầu trẻ giải thích vì sao lựa chọn đó đáp ứng nhiệm vụ. Cách tổ chức như vậy giúp việc tạo ý tưởng đi cùng quá trình xem xét giá trị của ý tưởng.

2.2.2. Giải quyết vấn đề và sáng tạo

Giải quyết vấn đề được sử dụng trong bài theo nghĩa tìm cách xử lí một tình huống mà HS chưa có ngay câu trả lời. Công việc bắt đầu từ làm rõ yêu cầu, tiếp đến là tìm phương án, thực hiện và kiểm tra kết quả. Ở lớp 3, tình huống có thể rất nhỏ: góc cây thiếu người chăm sóc hoặc thông điệp giữ vệ sinh chưa dễ hiểu. Độ khó không nằm ở quy mô sản phẩm mà ở phần quyết định các em phải tự đưa ra. Nếu hướng dẫn đã quy định từng thao tác, nhiệm vụ chủ yếu rèn thực hiện theo mẫu.

OECD đặt việc hình thành ý tưởng trong quan hệ với đánh giá và cải tiến (2023, 2024). Bài viết lựa chọn ba quá trình làm căn cứ phân tích: tạo ý tưởng đa dạng, tạo ý tưởng có điểm mới, đánh giá và cải tiến ý tưởng. Khung PISA hướng tới nhóm tuổi khác với lớp 3, nên các mô tả dưới đây được điều chỉnh theo nhiệm vụ của môn Tự nhiên và Xã hội. Giá trị tham khảo của khung không đồng nghĩa với việc các chỉ báo đề xuất đã được kiểm chứng cho HS tiểu học.

Trong phạm vi nghiên cứu, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của HS lớp 3 là khả năng sử dụng hiểu biết, kinh nghiệm và thông tin để giải quyết tình huống gần gũi, từ làm rõ vấn đề đến lựa chọn, thực hiện và điều chỉnh phương án. Sáng tạo được xem xét ở phần ý tưởng do trẻ tạo ra hoặc biến đổi, cùng khả năng làm cho cách xử lí phù hợp hơn. Phương án có thể mới đối với bản thân HS; mức độ phù hợp phải được đối chiếu với yêu cầu của tình huống.

2.2.3. Đặc điểm biểu hiện ở học sinh lớp 3

Tính mới cần được xem xét trong trải nghiệm của HS. Một em tự nghĩ ra cách dùng thẻ màu để nhắc lịch chăm cây có thể thể hiện sáng tạo dù cách đó đã quen thuộc với người lớn. GV cần hỏi thêm về nguồn gốc ý tưởng và cách trẻ điều chỉnh nó để xác định phần đóng góp của các em.

Biểu hiện năng lực thay đổi theo tình huống và mức độ quen thuộc của kiến thức. HS có kinh nghiệm trồng cây có thể đưa ra phương án nhanh hơn trong nhiệm vụ chăm sóc cây, nhưng chưa chắc

làm được tương tự ở một tình huống sức khỏe. Kết luận về năng lực cần dựa trên quan sát ở nhiều nhiệm vụ.

Lời nói, hình vẽ, sơ đồ và thao tác với vật liệu đều có thể cho thấy cách HS suy nghĩ. Chẳng hạn, trẻ chưa viết được phần giải thích dài vẫn có thể xếp thẻ theo trình tự và nói lí do. GV nên sử dụng những hình thức thể hiện khác nhau để hạn chế ảnh hưởng của khả năng viết đối với kết quả đánh giá.

Hoạt động nhóm giúp HS tiếp cận và trao đổi nhiều cách làm. Tuy nhiên, sản phẩm chung không phản ánh đầy đủ năng lực của từng em. Cần ghi nhận ai nêu ý tưởng, ai giải thích lựa chọn, ai nhận ra hạn chế và tham gia điều chỉnh, kết hợp với câu hỏi cá nhân sau hoạt động.

Một ý kiến chưa hoàn chỉnh cần được lắng nghe để HS có thể giải thích thêm. Nếu GV vội đưa đáp án, phần suy nghĩ của trẻ khó bộc lộ. Darling-Hammond và cộng sự (2020) phân tích vai trò của quan hệ hỗ trợ và sự tham gia chủ động trong học tập. Vận dụng vào lớp học, GV có thể hỏi về lí do lựa chọn, chỉ ra yêu cầu còn thiếu rồi dành thời gian sửa cách làm. Sự hỗ trợ ấy cần phù hợp với khó khăn thực tế của từng em.

2.3. Cấu trúc năng lực và hệ thống chỉ báo

Năm thành tố ở Bảng 1 được tổng hợp từ yêu cầu của chương trình (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a) và các quá trình sáng tạo trong tài liệu OECD (2023, 2024). Cách sắp xếp này giúp GV theo dõi hoạt động học, không coi quá trình giải quyết vấn đề là một chuỗi cố định. Khi thử phương án, HS có thể nhận ra thiếu thông tin và quay lại tìm hiểu; một góp ý cũng có thể khiến các em đặt lại câu hỏi ban đầu. Vì vậy, chỉ báo cần được đọc trong mối liên hệ với nhiệm vụ và diễn biến thực hiện.

Bảng 1: Cấu trúc và chỉ báo năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của HS lớp 3

STT	Thành tố	Chỉ báo biểu hiện trong môn Tự nhiên và Xã hội
1	Nhận diện và làm rõ vấn đề	Nhận ra điều chưa biết hoặc chưa hợp lí; nêu câu hỏi; xác định nhiệm vụ và kết quả cần đạt bằng lời của mình.
2	Thu thập và xử lí thông tin	Quan sát có mục đích; tìm thông tin từ vật thật, tranh, văn bản, người khác; lựa chọn, so sánh và kết nối thông tin liên quan.
3	Đề xuất ý tưởng, giải pháp	Dự đoán; nêu một hoặc nhiều cách giải quyết; tạo cách kết hợp mới; giải thích căn cứ ban đầu của ý tưởng.
4	Lựa chọn và thực hiện giải pháp	So sánh phương án theo tiêu chí; lập kế hoạch đơn giản; phân công, thực hiện, sử dụng học liệu an toàn và hợp tác.
5	Đánh giá, điều chỉnh và vận dụng	Đối chiếu kết quả với tiêu chí; nhận ra điểm phù hợp/chưa phù hợp; tiếp nhận phản hồi, điều chỉnh và liên hệ tình huống mới.

2.3.1. Nhận diện và làm rõ vấn đề

Điều cần tìm hiểu thường xuất hiện khi HS nhận thấy kết quả khác với dự đoán. Trước hai chậu cây phát triển không giống nhau, câu hỏi về lượng nước hoặc vị trí đặt cây cho thấy trẻ đã chú ý đến yếu tố có thể liên quan. GV ghi lại câu hỏi ấy, đồng thời lưu phần gợi mở đã sử dụng. Nhờ vậy, có thể phân biệt HS tự phát hiện vấn đề với HS nhận ra sau khi được chỉ dẫn.

2.3.2. Thu thập và xử lí thông tin

Thu thập thông tin có ý nghĩa khi dữ kiện giúp làm rõ câu hỏi đang xét. Trong tình huống cây héo, độ ẩm của đất là thông tin liên quan; màu trang trí của chậu thường ít giúp giải thích hiện tượng. GV có thể yêu cầu HS chọn trong những điều đã quan sát và nói lí do giữ lại một dữ kiện. Bản ghi bằng từ khóa hoặc hình vẽ cần phân biệt điều nhìn thấy với nguyên nhân còn đang phỏng đoán.

2.3.3. Đề xuất ý tưởng, giải pháp

Việc nghĩ phương án nên bắt đầu từ từng cá nhân rồi mới chuyển sang trao đổi nhóm. HS có thể dùng kinh nghiệm đã biết, kết hợp hai cách hoặc thay vật liệu khi điều kiện không cho phép. Sau câu hỏi gợi mở về cách khác, GV yêu cầu các em nói phương án đáp ứng yêu cầu nào. Đây là lúc kiểm tra độ đa dạng và tính phù hợp của ý tưởng. Số lượt phát biểu không đủ để phản ánh chất lượng phần đề xuất.

2.3.4. Lựa chọn và thực hiện giải pháp

Trước khi làm, nhóm cần nói rõ vì sao chọn phương án và dự kiến thực hiện bằng vật liệu nào. Kế hoạch của lớp 3 có thể chỉ gồm vài việc, người phụ trách và thời điểm kiểm tra. Trong lúc thực hiện, những trở ngại nhỏ cho thấy HS có biết phối hợp và điều chỉnh hay chưa. GV nên ghi cả cách trẻ xử lý và mức trợ giúp đã cung cấp. Lời giải thích sau hoạt động bổ sung căn cứ khi sản phẩm giống mẫu tham khảo.

2.3.5. Đánh giá, điều chỉnh và vận dụng

Phản hồi chỉ có tác dụng khi HS biết sử dụng nó. Với tờ hướng dẫn khó đọc, nhóm có thể sửa chữ hoặc thêm hình, sau đó nhờ bạn xem lại. GV theo dõi góp ý nào dẫn đến thay đổi và HS giải thích thay đổi ấy ra sao. Để xem khả năng vận dụng, cần đặt thêm một nhiệm vụ tương tự. Lời hứa sẽ áp dụng ở nhà chưa đủ làm minh chứng cho việc trẻ thực sự chuyển được cách giải quyết sang bối cảnh khác.

2.4. Các mức phát triển và rubric đánh giá

Bảng tiêu chí ba mức được đề xuất để mô tả mức hỗ trợ và sự chủ động trong từng thành tố. Mức 1 thể hiện HS cần hướng dẫn trực tiếp; mức 2 thể hiện thực hiện được khi có gợi ý; mức 3 thể hiện chủ động hơn và biết giải thích hoặc điều chỉnh. Các mức dùng để định hướng phản hồi trong hoạt động học, không đồng nhất với mức xếp loại năng lực theo quy định đánh giá tiểu học. GV cần kiểm tra tính phù hợp của mô tả qua các nhiệm vụ thực tế trước khi sử dụng rộng rãi.

Bảng 2: Rubric ba mức đánh giá năng lực của HS lớp 3

Thành tố	Mức 1 – Cần hỗ trợ	Mức 2 – Thực hiện với gợi ý	Mức 3 – Chủ động
Nhận diện vấn đề	Nhận ra vấn đề khi GV chỉ rõ; chưa diễn đạt được nhiệm vụ.	Nêu được vấn đề/câu hỏi trong tình huống quen thuộc khi có câu hỏi gợi mở.	Chủ động nhận ra, nêu câu hỏi và diễn đạt rõ điều cần giải quyết.
Thu thập thông tin	Quan sát hoặc ghi chép khi được hướng dẫn từng bước; chọn thông tin còn lẫn lộn.	Tìm và chọn được thông tin chính khi có nguồn/gợi ý.	Chủ động chọn nguồn phù hợp, so sánh và kết nối thông tin với vấn đề.
Đề xuất giải pháp	Nêu lại cách mẫu hoặc cần người khác gợi ý trực tiếp.	Nêu được ít nhất một giải pháp phù hợp và giải thích ngắn.	Nêu nhiều giải pháp, có điểm mới và giải thích căn cứ lựa chọn.
Thực hiện giải pháp	Thực hiện từng bước khi được nhắc; còn phụ thuộc trong hợp tác.	Thực hiện kế hoạch quen thuộc, phối hợp với bạn khi có hỗ trợ.	Chủ động thực hiện, xử lý trở ngại, hợp tác và sử dụng vật liệu an toàn.
Đánh giá, điều chỉnh	Nhận xét chung, chưa dựa tiêu chí; khó sửa nếu không được chỉ rõ.	Đối chiếu được một số tiêu chí và sửa theo góp ý.	Tự đánh giá có căn cứ, lựa chọn phản hồi, điều chỉnh và nêu khả năng vận dụng.

Theo định hướng đánh giá vì sự tiến bộ của HS tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020), minh chứng nên được thu thập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Câu hỏi, phiếu ghi chép, bản vẽ phương án, lời giải thích và phần sửa sản phẩm cho biết những khía cạnh khác nhau của năng lực. Tự đánh giá của HS và thông tin phù hợp từ cha mẹ có thể bổ sung cho quan sát của GV. Không nên dùng riêng chất lượng sản phẩm cuối để kết luận về toàn bộ quá trình học.

Trước hoạt động, GV giải thích tiêu chí bằng câu ngắn và ví dụ cụ thể. HS được thể hiện qua nói, vẽ, xếp thẻ hoặc thao tác nếu cách đó phù hợp nhiệm vụ. Với sản phẩm nhóm, cần có ghi chép vai trò và trao đổi cá nhân. Việc quan sát lặp lại ở các chủ đề giúp nhận biết tiến bộ, đồng thời tránh đánh giá thấp một em chỉ vì chưa quen nội dung hoặc hình thức thể hiện của một bài học.

2.5. Vai trò của môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3

Nội dung môn Tự nhiên và Xã hội (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b) cho phép xây dựng nhiệm vụ từ những việc HS gặp hằng ngày. Trong chủ đề gia đình và trường học, các em có thể đề xuất cách chia sẻ công việc, giữ vệ sinh hoặc xử lý một tình huống thiếu an toàn. Ở chủ đề cộng đồng địa phương, nhiệm vụ giới thiệu một hoạt động sản xuất đòi hỏi HS tìm thông tin, chọn chi tiết cần thiết và sắp xếp để người nghe dễ hiểu.

Hoạt động quan sát và chăm sóc cây tạo điều kiện cho HS dự đoán, theo dõi và sửa cách làm. GV có

thể chọn nhiệm vụ làm giá đỡ, lập lịch chăm cây hoặc thử dụng cụ giữ ẩm đơn giản. Mục tiêu cần gắn với yêu cầu kiến thức của bài học; độ cầu kì của sản phẩm không nên trở thành tiêu chuẩn chính. Nếu người lớn làm thay phần thiết kế và thao tác, GV sẽ thiếu căn cứ để nhận xét năng lực của trẻ.

Ở chủ đề con người và sức khỏe, HS có thể thiết kế thông điệp về thói quen có lợi hoặc thảo luận cách ứng xử trong tình huống vệ sinh. Các đề xuất cần được đối chiếu với nội dung khoa học của bài học. Ở chủ đề Trái Đất và bầu trời, quan sát, sơ đồ và mô hình giúp trẻ diễn đạt hiểu biết và kiểm tra dự đoán. Những nhiệm vụ mở rộng phải được lựa chọn theo yêu cầu cần đạt và điều kiện của lớp, không thay thế nội dung bắt buộc.

Bảng 3: Gợi ý nhiệm vụ phát triển năng lực theo một số chủ đề lớp 3

Chủ đề	Vấn đề/nhiệm vụ gợi ý	Sản phẩm và biểu hiện trọng tâm
Thực vật	Làm thế nào giúp cây trong lớp phát triển tốt khi thời gian chăm sóc hạn chế?	Kế hoạch chăm sóc/mô hình tự tưới; dự đoán, lựa chọn vật liệu, thử nghiệm và điều chỉnh.
Con người và sức khỏe	Thiết kế thông điệp giúp HS lớp 3 bảo vệ cơ quan tiêu hóa.	Áp phích/thẻ hướng dẫn; chọn thông tin đúng, tạo nhiều ý tưởng, đánh giá tính dễ hiểu.
Trường học	Làm thế nào giảm rác dùng một lần trong lớp?	Bảng điều tra và kế hoạch hành động; xác định vấn đề, thu thập dữ liệu, chọn giải pháp.
Cộng đồng địa phương	Giới thiệu một hoạt động sản xuất địa phương sao cho bạn nhỏ dễ hiểu.	Sơ đồ quy trình/poster; tìm thông tin, sắp xếp, trình bày và cải tiến theo phản hồi.
Trái Đất và bầu trời	Thiết kế công cụ/mô hình giúp giải thích sự thay đổi của bóng trong ngày.	Mô hình/nhật kí quan sát; đặt câu hỏi, kiểm tra dự đoán, giải thích và điều chỉnh.

2.6. Nguyên tắc và quy trình tổ chức dạy học

2.6.1. Nguyên tắc thiết kế nhiệm vụ

Yêu cầu cần đạt là điểm xuất phát khi lựa chọn nhiệm vụ. GV xác định kiến thức HS phải dùng, phần quyết định dành cho các em và căn cứ để nhận xét kết quả. Tình huống nên có dữ kiện dễ hiểu, vật liệu phù hợp điều kiện lớp và một số lựa chọn còn để ngỏ. Tiêu chí được giải thích trước bằng ngôn ngữ vừa sức. Thời gian nhận góp ý và sửa cách làm cũng phải có trong kế hoạch; nếu chỉ bố trí đến lúc hoàn thành sản phẩm, GV sẽ khó theo dõi khả năng cải tiến.

2.6.2. Quy trình tổ chức

Quy trình gợi ý gồm bảy bước. Trước hết, GV đưa ra tình huống để HS quan sát và làm rõ câu hỏi cần giải quyết. Các em tìm thông tin, ghi những dữ kiện liên quan rồi suy nghĩ cá nhân và chia sẻ phương án với nhóm. Nhóm đối chiếu tiêu chí, chọn cách làm, phân công và lập kế hoạch ngắn. Khi thực hiện, HS theo dõi kết quả, còn GV hỗ trợ và kiểm soát an toàn. Tiếp đó, nhóm trình bày, nhận góp ý và sửa phần chưa đáp ứng yêu cầu. Cuối cùng, GV đặt một tình huống tương tự để xem HS có thể sử dụng cách làm đã học hay không. Các bước có thể đan xen; không cần buộc mọi nhiệm vụ đi qua một trình tự cứng nhắc.

Bảng 4: Vai trò của GV và HS trong chu trình phát triển năng lực

Giai đoạn	Vai trò của GV	Hoạt động chủ yếu của HS
Xác định vấn đề	Tạo bối cảnh, cung cấp dữ kiện ban đầu, dùng câu hỏi gợi mở.	Quan sát, nêu câu hỏi, làm rõ yêu cầu và tiêu chí.
Tìm thông tin	Chuẩn bị nguồn phù hợp, hướng dẫn quan sát và kiểm tra thông tin.	Thu thập, ghi chép, lựa chọn và kết nối bằng chứng.
Tạo và chọn ý tưởng	Trì hoãn phán xét, khuyến khích đa dạng, hỗ trợ so sánh theo tiêu chí.	Đề xuất, giải thích, lắng nghe, kết hợp và lựa chọn phương án.
Thực hiện	Theo dõi, bảo đảm an toàn, hỗ trợ vừa đủ, không làm thay.	Lập kế hoạch, phân công, thao tác, hợp tác và xử lí trở ngại.
Đánh giá và cải tiến	Tổ chức phản hồi, yêu cầu căn cứ, tạo điều kiện về thời gian sửa chữa.	Tự đánh giá, góp ý, tiếp nhận phản hồi, điều chỉnh và vận dụng.

2.7. Điều kiện phát triển năng lực

Trong sinh hoạt chuyên môn, GV có thể cùng phân tích một nhiệm vụ và những bản ghi về cách HS thực hiện. Trẻ vướng ở việc hiểu yêu cầu, tìm thông tin hay lựa chọn phương án? Câu trả lời giúp điều chỉnh hoạt động và mức hỗ trợ trong kế hoạch bài dạy. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục cấp tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021) là căn cứ tổ chức theo điều kiện nhà trường. Việc trao đổi cần dựa vào hành động và lời giải thích của HS để đưa ra điều chỉnh cụ thể.

Điều kiện tiếp theo là cách GV phản hồi. Khi HS đưa ra phương án chưa phù hợp, cần hỏi về căn cứ, chỉ ra yêu cầu còn thiếu và cho các em cơ hội thử lại. Cách phản hồi này giúp trẻ hiểu việc sửa ý tưởng là một phần của nhiệm vụ. Việc chấp nhận ý tưởng khác nhau vẫn đi cùng yêu cầu về tính chính xác, khả năng thực hiện và an toàn.

Hướng dẫn về dạy học khoa học ở tiểu học (Education Endowment Foundation, 2023) là nguồn tham khảo khi lựa chọn trải nghiệm và học liệu. Trong phạm vi đề xuất này, vật thật, tranh, phiếu ghi chép và vật liệu tái sử dụng có thể đáp ứng nhiều nhiệm vụ mà không cần thiết bị đắt tiền. Phương tiện số chỉ nên được dùng khi giúp quan sát hoặc trình bày rõ hơn. Gia đình hỗ trợ chuẩn bị vật liệu và thao tác cần người lớn, đồng thời để HS tự giải thích và quyết định phần việc phù hợp.

Không phải bài học nào cũng cần một dự án dài. Một yêu cầu so sánh hai cách xử lý, giải thích lựa chọn hoặc sửa chi tiết chưa phù hợp đã tạo cơ hội rèn năng lực. Những hoạt động ngắn có thể được lặp lại ở nhiều chủ đề. GV theo dõi cùng một biểu hiện qua thời gian, chẳng hạn khả năng nêu lí do, để nhận biết HS đang bớt phụ thuộc vào gợi ý ở điểm nào. Kết quả quan sát đó định hướng cho nhiệm vụ tiếp theo.

3. Kết luận

Khung 5 thành tố và bảng tiêu chí ba mức trong bài là một cách cụ thể hóa mục tiêu giải quyết vấn đề và sáng tạo vào môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3. Khung giúp GV đặt câu hỏi về phần việc HS tự làm, căn cứ của lựa chọn và cách sử dụng phản hồi. Khi vận dụng, cần đối chiếu chỉ báo với yêu cầu bài học, mức hỗ trợ và những hình thức thể hiện phù hợp từng em. Nghiên cứu hiện dừng ở phân tích tài liệu; bước tiếp theo là lấy ý kiến chuyên gia và thử công cụ trong lớp học để điều chỉnh mô tả, kiểm tra độ tin cậy trước khi sử dụng cho khảo sát.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018a). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018b). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học*.
- Darling-Hammond, L., Flook, L., Cook-Harvey, C., Barron, B., & Osher, D. (2020). Implications for educational practice of the science of learning and development. *Applied Developmental Science*, 24(2), 97–140. <https://doi.org/10.1080/10888691.2018.1537791>.
- Education Endowment Foundation. (2023). *Improving primary science*. <https://educationendowmentfoundation.org.uk/education-evidence/guidance-reports/primary-science-ks1-ks2>.
- OECD (2019). *Fostering students' creativity and critical thinking: What it means in school*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/62212c37-en>.
- OECD (2023). *PISA 2022 assessment and analytical framework*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/dfe0bf9c-en>.
- OECD (2024). *PISA 2022 results (Volume III): Creative minds, creative schools*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/765ee8c2-en>.
- UNESCO (2021). *Reimagining our futures together: A new social contract for education*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000379707>.